

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**SỔ TAY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH HÁN NÔM**

**Thừa Thiên Huế, 2021**

## MỤC LỤC

*Trang*

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT.....	1
B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT.....	2
C. MỤC TIÊU CỤ THỂ .....	2
D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC .....	4
E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU .....	7
F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC.....	11
G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	12
H. MA TRẬN HỌC PHẦN ĐỐI VỚI CHUẨN ĐẦU RA.....	16
I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN.....	27

**A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

<b>1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):</b>	HÁN NÔM		
<b>2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):</b>	SINO-NÔM		
<b>3. Trình độ đào tạo:</b>	Cử nhân		
<b>4. Mã ngành đào tạo:</b>	7220104		
<b>5. Tên ngành đào tạo:</b>	HÁN NÔM		
<b>6. Khoa quản lý chương trình:</b>	Ngữ văn		
<b>7. Đối tượng tuyển sinh:</b>	Theo quy định của Đại học Huế		
<b>8. Thời gian đào tạo:</b>	4 năm		
<b>9. Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy và Vừa làm vừa học		
<b>10. Số tín chỉ yêu cầu tích lũy:</b>	124		
<b>11. Thang điểm:</b>	<b>Điểm 10</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm 4</b>
	8,5 - 10	A	4
	7,0 - 8,4	B	3
	5,5 - 6,9	C	2
	4,0 - 5,4	D	1
	dưới 4,0	F	0
<b>12. Điều kiện tốt nghiệp:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ: 124 tín chỉ;</li> <li>- Điểm TBCTL toàn khóa: từ 2,00 trở lên;</li> <li>- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính;</li> <li>- Tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết cho mỗi khối kiến thức;</li> <li>- Có chứng chỉ GDQPAN;</li> <li>- Hoàn thành các học phần GDTC;</li> <li>- Có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản;</li> <li>- Đạt trình độ ngoại ngữ không chuyên bậc 3/6 (B1) hoặc 2/6 (A2) nếu sinh viên là người dân tộc ít người.</li> </ul>		
<b>13. Văn bằng tốt nghiệp:</b>	Cử nhân		

<p><b>14. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ nghiên cứu tại Sở Khoa học và Công nghệ, các Viện nghiên cứu, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn;</li> <li>- Cán bộ các phòng, trung tâm Văn hóa; di tích, Bảo tồn, bảo tàng;</li> <li>- Phóng viên, biên tập viên ở các cơ quan báo chí - truyền thông, nhà xuất bản;</li> <li>- Nhân viên văn thư, văn phòng, cán bộ hành chính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân;</li> <li>- Hướng dẫn viên du lịch tại các trung tâm di tích;</li> <li>- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các cấp học phổ thông.</li> </ul>
<p><b>15. Khả năng nâng cao trình độ:</b></p>	<p>Học cao học, nghiên cứu sinh các ngành Hán Nôm, Ngôn ngữ, Văn học hoặc các ngành gần.</p>
<p><b>16. Chương trình chuẩn tham khảo:</b></p>	<p>Chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh</p>

## B. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo chuẩn trình độ ngành Hán Nôm nhằm đào tạo cử nhân Hán Nôm có phẩm chất chính trị và chuyên môn vững, đảm nhận các công tác: sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy Hán Nôm (di sản Hán Nôm) nhằm đảm bảo sự nối tiếp giữa truyền thống với hiện đại.

## C. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có các kiến thức, kỹ năng và thái độ:

### 1. Kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-1.1	Có đủ kiến thức nền tảng, kiến thức chung về chính trị, pháp luật, GDQP, GDTC... đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành;
PO-1.2	Có đủ kiến thức ngành, chuyên ngành, liên ngành để có thể sưu tầm, phiên dịch, giảng dạy, nghiên cứu ở các trường cao đẳng, đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan văn hóa, các tổ chức xã hội có nhu cầu;
PO-1.3	Có kỹ năng, phương pháp chuyên ngành và liên ngành để có thể tiếp nhận và minh giải, xử lý di sản Hán Nôm; công bố và giới thiệu di sản Hán Nôm;

PO-1.4	Có nhận thức, trách nhiệm về công việc chuyên môn góp phần vào việc gìn giữ truyền thống văn hóa, đề nguồn mạch văn hóa truyền thống và hiện đại không bị đứt đoạn.
--------	---

## 2. Kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-2.1	Có đủ kỹ năng chuyên môn về văn bản, văn bản học, các phương pháp để sưu tầm, minh giải, xử lý, giải quyết các vấn đề của chuyên ngành;
PO-2.2	Có đủ kỹ năng chuyên môn, kỹ năng hỗ trợ để có thể tham gia, tổ chức, thành lập nhóm và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;
PO-2.3	Có các kỹ năng, phương pháp chuyên môn và kỹ năng phương pháp của các ngành gần, liên ngành để có thể khảo sát, sưu tầm, minh giải tư liệu Hán Nôm trong thực tế hay trong các thư viện;
PO-2.4	Biết vận dụng các công cụ tìm kiếm, giải quyết các vấn đề về văn bản, văn bản học, đăng kí, lập hồ sơ cho các di sản Hán Nôm, tóm lược các nội dung, thông tin cơ bản của tư liệu Hán Nôm;
PO-2.5	Biết cách bảo quản, khai thác giá trị tư liệu Hán Nôm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc.

## 3. Thái độ

Ký hiệu	Chủ đề mục tiêu cụ thể
PO-3.1	Có đủ khả năng hiểu biết, nhận thức và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, chủ trương của Đảng và Nhà nước, nội quy, quy định ở nơi làm việc
PO-3.2	Có phẩm chất yêu nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, tận tâm với công việc, ý thức kỉ luật, cầu tiến
PO-3.3	Có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức khoa học, sống có trách nhiệm và nhân văn với những người xung quanh
PO-3.4	Có đủ khả năng nhận thức vai trò, trách nhiệm, phát huy năng lực của bản thân, góp phần vào sự phát triển chung của xã hội

## D. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

### 1. Chuẩn về kiến thức

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
<b>1.1.</b>	<b>Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế</b>	
PLO-1.1.1	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.	3
PLO-1.1.2	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).	3
PLO-1.1.3	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).	3
PLO-1.1.4	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).	3
PLO-1.1.5	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).	2
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức chung trong Trường Đại học Khoa học</b>	
PLO-1.2.1	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.	3
PLO-1.2.2	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay	3
PLO-1.2.3	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường	3
<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	
PLO-1.3.1	Hiểu biết các kiến thức cơ sở chung về khoa học xã hội và nhân văn như: nhân học, xã hội học, tâm lí học, lịch sử văn minh thế giới, mỹ học, ngôn ngữ học...	3
PLO-1.3.2	Nắm vững các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, phương pháp nghiên cứu văn học nói riêng	3
<b>1.4.</b>	<b>Kiến thức chung theo lĩnh vực</b>	
PLO-1.4.1	Nắm vững kiến thức cơ bản của các ngành khoa học xã hội và nhân văn: lịch sử, triết học, văn học, ngôn ngữ.	3
<b>1.5.</b>	<b>Kiến thức chung của nhóm ngành</b>	
PLO-1.5.1	Nắm vững các kiến thức cơ sở của ngành Hán Nôm và các kiến	3

	thức liên ngành ngôn ngữ, văn học, văn hóa, nghệ thuật... làm nền tảng trong quá trình tích lũy kiến thức theo định hướng ngành, chuyên ngành.	
<b>1.6.</b>	<b>Kiến thức của ngành</b>	
PLO-1.6.1	Có hiểu biết chung về Hán văn Trung Quốc; có khả năng phân tích các văn bản Hán văn Trung Quốc tiêu biểu như Kinh Thi, Tứ Thư, Ngũ Kinh;	3
PLO-1.6.2	Có hiểu biết chung về Hán văn Việt Nam; có khả năng phân tích các văn bản Hán văn tiêu biểu của các thời như Hán văn thời Lý – Trần, Hán văn thời Lê – Tây Sơn, Hán văn thời Nguyễn;	3
PLO-1.6.3	Có kiến thức về chữ Nôm và văn bản chữ Nôm trên các phương diện: nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến; đặc điểm cấu trúc của chữ Nôm (cấu trúc hình thể và cấu trúc chức năng);	3
PLO-1.6.4	Biết vận dụng các phương pháp chuyên ngành để sưu tầm, dịch thuật, bảo quản, giữ gìn và phát huy giá trị di sản Hán Nôm;	3
PLO-1.6.5	Có hiểu biết cơ bản về các kiến thức liên ngành về văn học, ngôn ngữ học, văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ (tiếng Trung) để hỗ trợ cho nghiên cứu, giảng dạy Hán Nôm.	3

## 2. Chuẩn về kỹ năng

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
<b>2.1.</b>	<b>Kỹ năng chuyên môn</b>	
PLO-2.1.1	Biết đọc, viết các loại hình chữ Hán, chữ Nôm; phân tích được các văn bản Hán Nôm;	4
PLO-2.1.2	Biết sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu các tư liệu về Hán Nôm nhằm làm phong phú hơn hiểu biết về vốn di sản Hán Nôm;	4
PLO-2.1.3	Có khả năng tra cứu, giám định tính chân ngụy, bảo quản tư liệu Hán Nôm; minh giải được một số văn bản Hán Nôm thông dụng;	4
PLO-2.1.4	Có khả năng đánh giá giá trị tư liệu Hán Nôm; khai thác giá trị tư liệu Hán Nôm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc;	4
PLO-2.1.5	Có khả năng giới thiệu, công bố di sản Hán Nôm.	4
<b>2.2.</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	
PLO-2.2.1	Biết vận dụng các kỹ năng giao tiếp vào các hoạt động thực tập, thực tế sưu tầm, giới thiệu di sản Hán Nôm và các công việc liên quan khác;	3
PLO-2.2.2	Có khả năng thành lập các nhóm học tập, nhóm hoạt động xã hội; biết chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ chuyên môn và nghề nghiệp;	3
PLO-2.2.3	Có khả năng quản lý chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều hành các hoạt động học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực Hán Nôm.	3

### 3. Chuẩn về thái độ

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
<b>3.1.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân</b>	
PLO-3.1.1	Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức;	3
PLO-3.1.2	Hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định, quy chế, nội quy;	3
<b>3.2.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp</b>	
PLO-3.2.1	Trân quý các giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hiến cổ điển của dân tộc;	3
PLO-3.2.2	Trung thực trong khoa học, độc lập, tự chủ trong sáng tạo, cẩn trọng trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chuyên môn.	3
<b>3.3.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội</b>	
PLO-3.3.1	Có ý thức trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống;	3
PLO-3.3.2	Có trách nhiệm và đảm bảo uy tín chuyên môn, cùng với các lĩnh vực khác góp phần vào việc phát triển chung của xã hội.	3

## E. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI MỤC TIÊU

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO-1.4	PO-2.1	PO-2.2	PO-2.3	PO-2.4	PO-3.1	PO-3.2	PO-3.3	PO-3.4
<b>1.</b>	<b>Kiến thức</b>												
<b>1.1.</b>	<b>Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế</b>												
PLO-1.1.1	Vận dụng được kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống.	x								x			
PLO-1.1.2	Vận dụng được các phương pháp rèn luyện để duy trì và nâng cao sức khỏe (chứng nhận hoàn thành giáo dục thể chất).	x											
PLO-1.1.3	Có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh (chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh).	x								x			
PLO-1.1.4	Giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ trong các tình huống thông thường; viết, trình bày báo cáo chuyên môn trong công việc bằng ngoại ngữ (đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc trình độ tương đương theo quy định của Đại học Huế).	x					x						
PLO-1.1.5	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn (đạt chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo ban hành theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 13/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).	x											
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức chung trong trường Đại học Khoa học</b>												
PLO-1.2.1	Vận dụng được các kiến thức thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm trong công tác chuyên môn.	x	x										
PLO-1.2.2	Hiểu biết cơ bản về pháp luật Việt Nam, sự phân chia các ngành luật và tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay.	x								x			

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO-1.4	PO-2.1	PO-2.2	PO-2.3	PO-2.4	PO-3.1	PO-3.2	PO-3.3	PO-3.4
PLO-1.2.3	Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức cơ bản về môi trường vào việc giữ gìn và bảo vệ môi trường.	x											x
<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>												
PLO-1.3.1	Hiểu biết các kiến thức cơ sở chung về khoa học xã hội và nhân văn như: nhân học, xã hội học, tâm lí học, lịch sử văn minh thế giới, mỹ học, ngôn ngữ học...	x	x	x	x	x	x	x	x				
PLO-1.3.2	Nắm vững các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, phương pháp nghiên cứu văn học nói riêng	x	x	x	x	x	x	x	x				
<b>1.4.</b>	<b>Kiến thức chung theo lĩnh vực nhân văn</b>												
PLO-1.4.1	Nắm vững các kiến thức cơ sở của ngành Văn học và các kiến thức liên ngành ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật... làm nền tảng trong quá trình tích lũy kiến thức theo định hướng ngành, chuyên ngành	x	x	x	x	x	x	x	x				
<b>1.5.</b>	<b>Kiến thức chung của nhóm ngành</b>												
PLO-1.5.1	Nắm vững các kiến thức cơ sở của ngành Hán Nôm và các kiến thức liên ngành ngôn ngữ, văn học, văn hóa, nghệ thuật... làm nền tảng trong quá trình tích lũy kiến thức theo định hướng ngành, chuyên ngành	x	x	x	x	x	x	x	x				
<b>1.6.</b>	<b>Kiến thức của ngành</b>												
PLO-1.6.1	Có hiểu biết chung về Hán văn Trung Quốc; có khả năng phân tích các văn bản Hán văn Trung Quốc tiêu biểu như Kinh Thi, Tứ Thư, Ngũ Kinh;	x	x										
PLO-1.6.2	Có hiểu biết chung về Hán văn Việt Nam; có khả năng phân tích các văn bản Hán văn tiêu biểu của các thời như Hán văn thời Lý – Trần,		x	x									

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO-1.4	PO-2.1	PO-2.2	PO-2.3	PO-2.4	PO-3.1	PO-3.2	PO-3.3	PO-3.4
	Hán văn thời Lê – Tây Sơn, Hán văn thời Nguyễn;												
PLO-1.6.3	Có kiến thức về chữ Nôm và văn bản chữ Nôm trên các phương diện: nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến; đặc điểm cấu trúc của chữ Nôm (cấu trúc hình thể và cấu trúc chức năng);		x	x									
PLO-1.6.4	Biết vận dụng các phương pháp chuyên ngành để sưu tầm, dịch thuật, bảo quản, giữ gìn và phát huy giá trị di sản Hán Nôm;		x	x									
PLO-1.6.5	Có hiểu biết cơ bản về các kiến thức liên ngành về văn học, ngôn ngữ học, văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ (tiếng Trung) để hỗ trợ cho nghiên cứu, giảng dạy Hán Nôm.					x	x	x	x		x	x	x
<b>2.</b>	<b>Kỹ năng</b>												
<b>2.1.</b>	<b>Kỹ năng chuyên môn</b>												
PLO-2.1.1	Biết đọc, viết các loại hình chữ Hán, chữ Nôm; phân tích được các văn bản Hán Nôm;		x	x		x	x						
PLO-2.1.2	Biết sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu các tư liệu về Hán Nôm nhằm làm phong phú hơn hiểu biết về vốn di sản Hán Nôm;		x	x		x	x						
PLO-2.1.3	Có khả năng tra cứu, giám định tính chân ngụy, bảo quản tư liệu Hán Nôm; minh giải được một số văn bản Hán Nôm thông dụng;		x	x	x			x					
PLO-2.1.4	Có khả năng đánh giá giá trị tư liệu Hán Nôm; khai thác giá trị tư liệu Hán Nôm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc;								x				
PLO-2.1.5	Có khả năng giới thiệu, công bố di sản Hán Nôm.		x	x	x	x	x	x	x				
<b>2.2.</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>												
PLO-2.2.1	Biết vận dụng các kỹ năng giao tiếp vào các hoạt động thực tập, thực tế sưu tầm, giới thiệu di sản Hán Nôm và các công việc liên quan khác;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu											
		Kiến thức				Kỹ năng				Thái độ			
		PO-1.1	PO-1.2	PO-1.3	PO-1.4	PO-2.1	PO-2.2	PO-2.3	PO-2.4	PO-3.1	PO-3.2	PO-3.3	PO-3.4
PLO-2.2.2	Có khả năng thành lập các nhóm học tập, nhóm hoạt động xã hội; biết chủ động tham gia các hoạt động nhóm phục vụ chuyên môn và nghề nghiệp;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO-2.2.3	Có khả năng quản lý chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều hành các hoạt động học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực Hán Nôm.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>3.</b>	<b>Thái độ</b>												
<b>3.1.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ của cá nhân</b>												
PLO-3.1.1	Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức									x	x		
PLO-3.1.2	Hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định, quy chế, nội quy									x	x		x
<b>3.2.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với nghề nghiệp</b>												
PLO-3.2.1	Trân quý các giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hiến cổ điển của dân tộc;										x	x	x
PLO-3.2.2	Trung thực trong khoa học, độc lập, tự chủ trong sáng tạo, cẩn trọng trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chuyên môn.										x	x	x
<b>3.3.</b>	<b>Phẩm chất, đạo đức và thái độ đối với xã hội</b>												
PLO-3.3.1	Có ý thức trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống;										x	x	x
PLO-3.3.2	Có trách nhiệm và đảm bảo uy tín chuyên môn, cùng với các lĩnh vực khác góp phần vào việc phát triển chung của xã hội.										x	x	x

## F. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

<b>Thang trình độ năng lực</b>	<b>Mô tả thang trình độ năng lực</b>
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua
2	Có thể tham gia và đóng góp
3	Có thể hiểu và giải thích
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo

## G. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Số tín chỉ	Phân bố số giờ					Quan hệ với các học phần			Học kỳ dự kiến
			Bắt buộc	Tự chọn		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
<b>A</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>													
A.1	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>													
1	LLCTTH3	Triết học Mác-Lênin	x		3	27	10	8				1		
2	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x		2	18	3	9				2		
3	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		2	22	3	5				3		
4	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		2	20	6	4				4		
5	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		2	20	5	5				5		
6	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	x		2	24	2	4						
7	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	x		2	20	3	7						
8	KNM1013	Kỹ năng mềm	x		3	10	10	10	15					
A.2	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 6 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>													
9	XHH1022	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x		2	16	4	6	4					
10	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	x		2	20	4	4	2					
11	XHH1012	Xã hội học đại cương	x		2	16	4	16	8					
12	LIS1012	Lịch sử văn minh thế giới		x	2	20	4	6						

13	CTR1052	Lôgic học		x	2	15	15							
14	TLH1012	Tâm lí học đại cương		x	2	20	4	3	3					
15	TOA1122	Thống kê xã hội học		x	2	13	1		16					
16	LIS1072	Nhân học đại cương		x	2	20	4	3	3					
17	VAN1012	Mỹ học đại cương		x	2	18	6	6	0	0				
<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (92 tín chỉ: 66 tín chỉ bắt buộc, 26/52 tín chỉ tự chọn)</b>													
<b>B.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành (26/32 tín chỉ: 20 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>													
18	LIS2013	Lịch sử Việt Nam đại cương	x		3	37	2	6						
19	CTR2013	Chính trị học đại cương	x		3	31	7	6	1					
20	NNH1022	Tiếng Việt thực hành	x		2	14	9	0	7	0				
21	HAN2023	Hán Nôm căn bản	x		3	36	4	0	5	0				
22	NNH3023	Cơ sở ngôn ngữ học	x		3	28	9	8	0	0				
23	VAN3023	Văn học dân gian	x		3	28	4	4	9	0				
24	VAN3043	Lí luận văn học nhập môn	x		3	26	11	8	0	0		17		
25	VAN3053	Văn hóa Huế		x	3	30	3	6	6	0				
26	NNH3033	Ngữ dụng học		x	3	32	8	5	0	0				
27	VAN3073	Nghệ thuật học		x	3	22	5	9	9	0				
28	VAN3133	Tư tưởng Nho - Phật - Lão trong văn học Việt Nam Trung đại		x	3	36	2	7	0	0	29			
<b>B.2</b>	<b>Kiến thức ngành (53/67 tín chỉ: 38 tín chỉ bắt buộc, 15/30 tín chỉ tự chọn)</b>													
29	TRU3023	Tiếng Trung căn bản 1	x		3	29	16							
30	HAN3053	Ngữ pháp văn ngôn	x		3	42	3							

31	NNH5013	Văn học Việt Nam trung đại	x		3	39	3	3	0	0	23			
32	HAN4172	Hán văn thời Lý- Trần	x		2	26	2	2						
33	VAN4013	Tổng quan văn học phương Đông		x	3	23	3	17	2	0				
34	HAN3112	Tin học Hán Nôm	x		2	15	3	2	10					
35	HAN4212	Văn tự học Hán Nôm		x	2	28	2		11					
36	HAN4202	Văn bản chữ Nôm	x		2	17	2		11					
37	VAN4053	Cơ sở Việt ngữ học	x		3	30	9	6	0	0		22		
38	HAN4122	Sử ký Tư Mã Thiên		x	2	23	4	3						
39	HAN4222	Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo		x	2	26	2	2						
40	NNH5023	Văn học Việt Nam hiện đại		x		37	4	4	0	0	29	23		
41	VAN4023	Tổng quan văn học phương Tây		x	3	36	3	6	0	0				
42	HAN4192	Hán văn thời Lê - Tây Sơn	x		2	16	14							
43	DPH4123	Tiếng Trung căn bản 2		x	2	29	16							
44	HAN4042	Đại học - Trung dung	x		2	21	2		7					
45	HAN4063	Luận ngữ - Mạnh Tử	x		3	31	2		12					
46	VAN	Văn học Trung Quốc hiện đại		x	2	12	8	10						
47	HAN3082	Văn bản Đường thi		x	2	17	2		11					
48	HAN4112	Từ chương học Hán Nôm		x	2	28	2							
49	HAN4242	Phân tích văn bản chữ Nôm		x	2	15	15							
50	HAN4032	Hán văn thời Nguyễn	x		2	28	2							
51	HAN4072	Kinh Thi	x		2	20	2		8					
52	HAN4082	Kinh Thư - Kinh Xuân Thu	x		2	24	4	2						

53	HAN4092	Kinh Dịch - Kinh Lễ	x		2	25	2	3						
<b>B2</b>	<b>Kiến thức bổ trợ (chọn 9/12 tín chỉ: 6 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự)</b>													
54	HAN4142	Phương pháp sưu tầm, dịch thuật Hán Nôm	x		2	27	3							
55	HAN3102	Sắc phong, hương ước, gia phả, văn tế	x		2									
56	HAN5052	Văn bản học Hán Nôm	x		2	28	2							
57	HAN5013	Thực hành văn bản Hán Nôm		x	3	33	5		7					
58	HAN5023	Hán Nôm dành cho du lịch		x	3	29	14		2					
<b>B.3</b>	<b>Kiến thức thực tập, thực tế (4/4 tín chỉ: 4 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)</b>													
59	VAN4014	Thực tập tốt nghiệp	x		4	8	2		50					
<b>B.4</b>	<b>ĐATN, KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (10/10 tín chỉ: 0 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn)</b>													
60	VAN4019	Khóa luận tốt nghiệp	x		10	4	26		120					
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>123</b>									

## H. MA TRẬN HỌC PHẦN ĐỐI VỚI CHUẨN ĐẦU RA

### 1. Ma trận học phần đối với chuẩn về kiến thức

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra về kiến thức														
				PLO-1.1.1	PLO-1.1.2 – 1.1.3	PLO-1.1.4	PLO-1.1.5	PLO-1.2.1	PLO-1.2.2	PLO-1.2.3	PLO-1.3.1	PLO-1.3.2	PLO-1.4.1	PLO-1.5.1	PLO-1.6.1	PLO-1.6.2	PLO-1.6.3	PLO-1.6.4
<b>AA</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																	
<b>AA1</b>	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>																	
21	LLCTTH3	Triết học Mác-Lênin	33	xx							x	x	x	x	x	x	x	
32	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	22	xx							x	x	x	x	x	x	x	
33	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	22	xx							x	x	x	x	x	x	x	
44	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	22	xx							x	x	x	x	x	x	x	
55	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22	xx							x	x	x	x	x	x	x	
66	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	22							x	xx		x	x	x	x	x	
77	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	2							x	xx		x	x	x	x	x	
8	KNM1013	Kỹ năng mềm	23							x	xx		x	x	x	x	x	
<b>AA1</b>	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 7 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																	

89	XHH1022	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	X2	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
910	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	X2	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
111	XHH1012	Xã hội học đại cương	X2	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
112	LIS1012	Lịch sử văn minh thế giới	X2	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
113	CTR1052	Lôgic học đại cương	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
114	TLH1012	Tâm lí học đại cương	22	x	x	x	x		x	x	xx	xx	xx	xx	x			x	
115	TOA1122	Thống kê xã hội học	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
116	LIS1072	Nhân học đại cương	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
117	VAN1012	Mỹ học đại cương	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
<b>BB</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (93 tín chỉ: 67 tín chỉ bắt buộc, 26/52 tín chỉ tự chọn)</b>																		
<b>BB1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành (26/32 tín chỉ: 20 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																		
118	LIS2013	Lịch sử Việt Nam đại cương	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
119	CTR2013	Chính trị học đại cương	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
220	NNH1022	Tiếng Việt thực hành	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
221	HAN2023	Hán Nôm căn bản	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
222	NNH3023	Cơ sở ngôn ngữ học	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
223	VAN3023	Văn học dân gian	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	x
224	VAN3043	Lí luận văn học nhập môn	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	X

225	VAN3053	Văn hóa Huế	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
226	NNH3033	Ngữ dụng học	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
227	VAN3073	Nghệ thuật học	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
228	VAN3133	Tư tưởng Nho - Phật - Lão trong văn học Việt Nam Trung đại	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	xx	
<b>BB2</b>	<b>Kiến thức ngành (53/67 tín chỉ: 38 tín chỉ bắt buộc, 15/30 tín chỉ tự chọn)</b>																		
229	TRU3023	Tiếng Trung căn bản 1	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
330	HAN3053	Ngữ pháp văn ngôn	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
331	NNH5013	Văn học Việt Nam trung đại	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x
332	HAN4172	Hán văn thời Lý- Trần	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
333	VAN4013	Tổng quan văn học phương Đông	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	x
334	HAN3112	Tin học Hán Nôm	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
335	HAN4212	Văn tự học Hán Nôm	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
336	HAN4202	Văn bản chữ Nôm	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
337	VAN4053	Cơ sở Việt ngữ học	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	x
338	HAN4122	Sử ký Tư Mã Thiên	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
339	HAN4222	Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
440	NNH5023	Văn học Việt Nam hiện đại	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x		xx	xx	xx	xx	xx	x

441	VAN4023	Tổng quan văn học phương Tây	33	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	x
442	HAN4192	Hán văn thời Lê - Tây Sơn	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x			
443	DPH4123	Tiếng Trung căn bản 2	33	x	x		x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
444	HAN4042	Đại học - Trung dung	22	x	x	x		x	x	x	xx	xx	xx	x	x	x	x		
445	HAN4063	Luận ngữ - Mạnh Tử	33	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
446	VAN	Văn học Trung Quốc hiện đại	32	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	x
447	HAN3082	Văn bản Đường thi	22	x	x	x	x		x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
448	HAN4112	Từ chương học Hán Nôm	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
449	HAN4242	Phân tích văn bản chữ Nôm	22	xx		x	x	x	X	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
550	HAN4032	Hán văn thời Nguyễn	22	x	x	x		x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
551	HAN4072	Kinh Thi	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx		x	x	x	
552	HAN4082	Kinh Thư - Kinh Xuân Thu	22	x	x	x	x		x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
553	HAN4092	Kinh Dịch - Kinh Lễ	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
<b>BB3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ (chọn 9/12 tín chỉ: 6 bắt buộc, 3 tự chọn)</b>																		
554	HAN4142	Phương pháp sưu tầm, dịch thuật Hán Nôm	22	x	x	x	x		x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
555	HAN3102	Sắc phong, hương ước, gia phả, văn tế	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	
556	HAN5052	Văn bản học Hán Nôm	22	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x	

557	HAN5013	Thực hành văn bản Hán Nôm	23	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x		
558	HAN5023	Hán Nôm dành cho du lịch	23	x	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	x	x	x	x		
<b>BB4</b>	<b>Kiến thức thực tập, thực tế (4/4 tín chỉ: 4 tín chỉ bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)</b>																			
559		Thực tập tốt nghiệp	44	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
<b>BB5</b>	<b>ĐATN, KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (10/10 tín chỉ: 0 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn)</b>																			
660		Khóa luận tốt nghiệp	110	x	x	x	x	x	x	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	

## 2. CÁC CHỨNG CHỈ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

11	Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh		x										xx	xx	xx	xx	xx	xx	
22	Chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên: (Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/Hàn... bậc 3/6 (B1), dành cho sinh viên bình thường; Tiếng Anh/Pháp/Nga/Trung/Nhật/Hàn... bậc 2/6 (A2), dành cho sinh viên thuộc đối tượng dân tộc ít người)			x															
23	Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản				x								xx	xx	xx	xx	xx	xx	
34	Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất		x										xx	xx	xx	xx	xx	xx	

### 3. Ma trận học phần đối với chuẩn về kỹ năng và thái độ

x	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Chuẩn về kỹ năng							Chuẩn về thái độ							Ghi chú
				PLO-2.1.1	PLO-2.1.2	PLO-2.1.3	PLO-2.1.4	PLO-2.1.5	PLO-2.2.1	PLO-2.2.2	PLO-2.2.3	PLO-3.1.1	PLO-3.1.2	PLO-3.2.1	PLO-3.2.2.	PLO-3.3.1	PLO-3.3.2	
AA	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																	
AA1	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>																	
11	LLCTTH3	Triết học Mác-Lênin	33									XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
12	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	22									XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
13	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	22									XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
44	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	22									XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
55	LLCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22									XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
66	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	22						X			XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
77	MTR1022	Giáo dục môi trường đại cương	22						X			XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
88	KNM1013	Kỹ năng mềm	323						XX			XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX

AA1	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 7 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																		
19	XHH1022	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
110	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
111	XHH1012	Xã hội học đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
112	LIS1012	Lịch sử văn minh thế giới	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
113	CTR1052	Lôgic học đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
114	TLH1012	Tâm lí học đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
115	TOA1122	Thống kê xã hội học	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
116	LIS1072	Nhân học đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
117	VAN1012	Mỹ học đại cương	22	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
AA	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>																		
AA1	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>																		
11	LLCTTH3	Lịch sử Việt Nam đại cương	33	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
12	LLCTKT2	Chính trị học đại cương	33	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX
13	LLCTXH2	Tiếng Việt thực hành	32	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX	XX

44	LLCTLS2	Hán Nôm căn bản	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
55	LLCTTT2	Cơ sở ngôn ngữ học	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
66	LUA1012	Văn học dân gian	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
77	MTR1022	Lí luận văn học nhập môn	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
88	KNM1013	Văn hóa Huế	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
AA1	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 7 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>	Ngữ dụng học	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
19	XHH1022	Nghệ thuật học	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
110	LIS1022	Tư tưởng Nho - Phật - Lão trong văn học Việt Nam Trung đại	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
111	XHH1012																		
112	LIS1012	Tiếng Trung căn bản 1	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	SX	xx	xx	xx	xx	xx	X
113	CTR1052	Ngữ pháp văn ngôn	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	X
114	TLH1012	Văn học Việt Nam trung đại	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	X
115	TOA1122	Hán văn thời Lý- Trần	32	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	X
116	LIS1072	Tổng quan văn học phương Đông	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	X

117	VAN1012	Tin học Hán Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x		
AA	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>	Văn tự học Hán Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
AA1	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>	Văn bản chữ Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
11	LLCTTH3	Cơ sở Việt ngữ học	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
12	LLCTKT2	Sử ký Tư Mã Thiên	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
13	LLCTXH2	Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo	22	xx	cx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
44	LLCTLS2	Văn học Việt Nam hiện đại	23	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
55	LLCTTT2	Tổng quan văn học phương Tây	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
66	LUA1012	Hán văn thời Lê - Tây Sơn	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
77	MTR1022	Tiếng Trung căn bản 2	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
88	KNM1013	Đại học - Trung dung	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	
AA1	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 7 tín chỉ bắt buộc, 6/12)</b>	Luận ngữ - Mạnh Tử	23	2x	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x	

	<b>tín chỉ tự chọn)</b>																		
19	XHH1022	Văn học Trung Quốc hiện đại	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x
110	LIS1022	Văn bản Đường thi	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x
111	XHH1012	Từ chương học Hán Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	x
112	LIS1012	Phân tích văn bản chữ Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
113	CTR1052	Hán văn thời Nguyễn	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
114	TLH1012	Kinh Thi	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
115	TOA1122	Kinh Thư - Kinh Xuân Thu	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
116	LIS1072	Kinh Dịch - Kinh Lễ	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
117	VAN1012			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>AA</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (30 tín chỉ: 24 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>	Phương pháp sưu tầm, dịch thuật Hán Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
<b>AA1</b>	<b>Kiến thức chung toàn trường (18 tín chỉ)</b>	Sắc phong, hương ước, gia phả, văn tế	12	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx
11	LLCTTH3	Văn bản học Hán Nôm	22	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx

12	LLCTKT2	Thực hành văn bản Hán Nôm	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx		
13	LLCTXH2	Hán Nôm dành cho du lịch	33	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
44	LLCTLS2																				
55	LLCTTT2	Thực tập tốt nghiệp	44	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
66	LUA1012																				
77	MTR1022	Khóa luận tốt nghiệp	110	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	xx	
88	KNM1013																				
AA1	<b>Kiến thức giáo dục cơ bản (12 tín chỉ, 7 tín chỉ bắt buộc, 6/12 tín chỉ tự chọn)</b>														xx	xx	xx	xx	xx	xx	
19	XHH1022														xx	xx	xx	xx	xx	xx	
110	LIS1022														xx	xx	xx	xx	xx	xx	
111	XHH1012														xx	xx	xx	xx	xx	xx	

## **I. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC HỌC PHẦN**

### **1. <LLCTTH3> - <Triết học Mác - Lênin> - <3>**

Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: chương 1 trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử..

### **2. <LLCTKT2> - <Kinh tế chính trị Mác - Lênin> - <2>**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể: Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **3. <LLCTXH2> - <Chủ nghĩa xã hội khoa học> - <2>**

Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<LLCTLS1> - <Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam> - <2>

### **4. <LLCTTT2> - < Tư tưởng Hồ Chí Minh> - <2>**

Nội dung học phần gồm 6 chương: chương 1, trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 3 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chương 4 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; chương 5 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; chương 6 trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

### **5. <LUA1012> - <Pháp luật Việt Nam đại cương> - <2>**

Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế..

### **6. <MTR1022> - <Giáo dục môi trường đại cương> - <2>**

Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến các vấn đề cơ bản của môi trường (khái niệm, chức năng, thành phần môi trường); chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường; tài nguyên thiên nhiên; các hoạt động của con người (du lịch, giao thông, nông nghiệp, công nghiệp) gây ra các tác động có hại đến môi trường; dân số và môi trường; các vấn đề về chất thải rắn liên quan đến môi trường; và biến đổi khí hậu.

### **7. <KNM1013> - <Kỹ năng mềm> - <3>**

Học phần Kỹ năng mềm tập trung rèn luyện và phát triển ba kỹ năng cơ bản cho người học: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng thuyết trình và Kỹ năng làm việc nhóm. Các nội dung có tính chất thực hành chiếm thời lượng chủ yếu so với các nội dung có tính chất lý thuyết.

- Kỹ năng giao tiếp trình bày các khái niệm về giao tiếp, chức năng và các loại hình giao tiếp, nguyên tắc và chuẩn mực, các nghi thức trong giao tiếp; phân tích, thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng giao tiếp trong trường học, nơi làm việc, gia đình, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu và mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng nói và lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi và phản hồi, kỹ năng duy trì và kết thúc quá trình giao tiếp; rèn luyện, thực hành các kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trong những tình huống cụ thể.

- Kỹ năng thuyết trình trình bày các khái niệm, tầm quan trọng và các dạng thức của thuyết trình, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thuyết trình; phân tích, thực hành các bước chuẩn bị thuyết trình; rèn luyện, thực hành kỹ năng tiến hành một bài thuyết trình dựa trên hệ thống các chủ đề và các tình huống có thể xảy ra trong quá trình thuyết trình.

- Kỹ năng làm việc nhóm trình bày khái niệm, ý nghĩa của làm việc nhóm, các hình thức nhóm, tiêu chí đánh giá nhóm làm việc hiệu quả; phân tích, thực hành các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm làm việc hiệu quả; rèn luyện, thực hành thông qua hệ thống các bài tập tình huống thực tế về các kỹ năng cần thiết với cá nhân và tổ chức nhóm để giúp nhóm làm việc hiệu quả.

### **8. <XHH1022>- <Phương pháp luận nghiên cứu khoa học> - <2>**

Cung cấp hệ thống lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Mối quan hệ giữa nhận thức lý thuyết và thực nghiệm; các khái niệm cơ bản, phân loại, vai trò của khoa học và nghiên cứu khoa học; Cách phát hiện và lựa chọn một sự kiện khoa học, vấn đề nghiên cứu; Quy trình, các bước tiến hành, thiết kế đề cương và tổ chức một cuộc nghiên cứu; Xây dựng khung lý thuyết và thao tác hoá khái niệm đề tài; xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin định lượng, định tính, tham gia; Chọn mẫu nghiên cứu; mô tả và xử lý thông tin, phân tích các dữ liệu lý thuyết và thực nghiệm cho một đề tài và kỹ năng viết và trình bày báo cáo, sản phẩm khoa học. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành, lựa chọn và sử dụng các phương pháp, kỹ thuật, công cụ phù hợp với mỗi nghiên cứu cụ thể.

### **9. <LIS1022> - <Văn hoá Việt Nam đại cương> - <2>**

Nội dung học phần trang bị kiến thức về văn hoá; làm rõ những khái niệm, thuật ngữ văn hoá, văn minh; những đặc trưng, chức năng của văn hoá, các loại hình văn hoá, cấu trúc của hệ thống văn hoá, mối quan hệ giữa văn hoá và văn minh, văn hoá với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội... Từ đó đi sâu giới thiệu về điều kiện hình thành văn hoá Việt Nam, về diễn trình phát triển văn hoá trong tiến trình lịch sử, về các vùng văn hoá và những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam.

### **10. <XHH1012> - <Xã hội học đại cương> - <2>**

Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về xã hội học: Đối tượng, chức năng, cơ cấu tri thức của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học xã hội nhân văn khác. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của xã hội học với tư cách là một khoa học độc lập, liên ngành và thực nghiệm. Trang bị các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học: Con người và xã hội, Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội và các khái niệm liên quan; Quyền lực, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; Lệch lạc và kiểm soát xã hội; Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội. Gợi thiệu khái quát các phương pháp và kỹ thuật cơ bản của một cuộc nghiên cứu thực nghiệm xã hội học. Sau khi học xong, sinh viên hiểu được vị trí, vị thế và vai trò của mình trong hệ thống các quan hệ với cá nhân, nhóm xã hội, tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong xã hội tổng thể. Từ đó, giáo dục cho sinh viên các kỹ năng, thái độ học tập, nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp để có trách nhiệm với phát triển bản thân, cộng đồng và xã hội.

### **11. <LIS1012> - <Lịch sử văn minh thế giới> - <2>**

Học phần cung cấp một số khái niệm có liên quan đến môn học như văn hóa, văn minh; thành tựu của các nền văn minh; ý nghĩa của những thành tựu đó và tác động của nó đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người; mối liên hệ giữa thành tựu văn minh và mặt trái của các nền văn minh; nguyên nhân sụp đổ của một số nền văn minh; luận giải về tác động hai mặt của nền văn minh hiện đại đối với xã hội loài người... Từ đó đưa ra những đánh giá mới về phương pháp nhận thức, cách tiếp cận để hiểu rõ hơn về vai trò đặc biệt của một số nền văn minh đối với tiến trình phát triển của nhân loại.

### **12. <CTR1052> - <Logic học> - <2>**

Những vấn đề cơ bản của logic học; nguồn gốc, đặc điểm, chức năng, kết cấu logic hình thức và phân loại các hình thức tư duy, quan hệ logic hình thức giữa các hình thức tư duy; nội dung, công thức, các yêu cầu và phạm vi của những quy luật logic hình thức cơ bản; đặc điểm, cấu trúc và phân loại các phép suy luận; đặc điểm, kết cấu, qui tắc, vai trò của luận chứng và giả thuyết.

### **13. <TLH1012> - <Tâm lý học đại cương> <2>**

Học phần "Tâm lý học đại cương" trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người: những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý; khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí thông minh, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Đồng thời giúp cho người học hình thành những phẩm chất nhân cách là cơ sở để họ có thể giải quyết các vấn đề.

### **14. <TOA1122> - <Thống kê xã hội học> - <2>**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên khối ngành xã hội những kiến thức cơ bản nhất về khoa học thống kê và những kỹ năng sử dụng phần mềm Excel hoặc SPSS để có thể áp dụng vào một số bài toán trong thực tế cuộc sống. Sinh viên sẽ được học những khái niệm cơ bản về chọn mẫu và số liệu thống kê, biểu đồ, các khái niệm cơ bản về các đặc trưng mẫu thực nghiệm, các bài toán thống kê như ước lượng, kiểm định, tương quan, hồi quy và cách sử dụng phần mềm để xử lý những bài toán đó.

### **15. <LIS1072> - <Nhân học đại cương> - <2>**

Nhân học là một ngành khoa học nghiên cứu về con người, bao gồm năm lĩnh vực cơ bản: Nhân học hình thể, Khảo cổ học, Nhân học ngôn ngữ, Nhân học xã hội - theo truyền thống Nhân học Anh, hoặc Nhân học văn hóa - theo truyền thống Nhân học Mỹ, hoặc được kết hợp thành Nhân học văn hóa - xã hội, Nhân học ứng dụng. Học phần Nhân học đại cương giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các vấn đề liên quan đến Nhân học, sinh viên sẽ được khám phá lịch sử hình thành và phát triển của ngành Nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu, các lý thuyết và tranh luận chính trong Nhân học. Với số lượng 2 đơn vị tín chỉ của môn học này, các bài giảng của môn học bao quát các chủ đề quan trọng của ngành học, bao gồm: tổng quan về ngành Nhân học, nguồn gốc loài người và chủng tộc, ngôn ngữ, tộc người, văn hóa, tôn giáo, thân tộc - hôn nhân - gia đình, Nhân học ứng dụng.

#### **16. <VAN1012> - <Mỹ học đại cương> - <2>**

Trên cơ sở xác định bản chất, đối tượng, đặc điểm của bộ môn, học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản như khái niệm, các phạm trù mỹ học, khách thể và chủ thể thẩm mỹ, đặc trưng các loại hình nghệ thuật, các qui luật của đời sống thẩm mỹ.

#### **17. <HAN2023> - <Hán Nôm căn bản> - <3>**

Học phần Hán Nôm căn bản là học phần bao gồm hai mảng ngữ văn chữ Hán và ngữ văn chữ Nôm. Nội dung chủ yếu của học phần là giới thiệu những nét đại cương nhất về chữ Hán, chữ Nôm; cung cấp một số lượng chữ Hán, chữ Nôm nhất định cùng một số phạm trù văn hóa truyền thống thông qua hệ thống các đọc bản chữ Hán, chữ Nôm cụ thể.

#### **18. <VAN3073> - <Nghệ thuật học> - <3>**

Giới thiệu nguồn gốc, bản chất, tác dụng của nghệ thuật; thành tựu, đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật trong các giai đoạn phát triển và các nền nghệ thuật tiêu biểu; cấu trúc của tác phẩm nghệ thuật; đặc trưng các loại hình nghệ thuật cơ bản.

#### **19. <LIS2013> - <Lịch sử Việt Nam đại cương> - <3>**

Đây là học phần cơ sở của nhiều ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Bao trùm toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam là những nội dung lớn như: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ... Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

#### **20. <CTR2013> - <Chính trị học đại cương> - <3>**

Làm rõ khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu chính trị học và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chính trị học; Lịch sử tư tưởng chính trị; Quyền lực chính trị; bầu cử và đảng phái chính trị; thủ lĩnh chính trị, chính khách và công chức; chính quyền nhà nước ở địa phương; chính trị với phát triển xã hội; văn hóa chính trị.

#### **21. <NNH3023> - <Cơ sở ngôn ngữ học> - <3>**

Học phần giới thiệu các vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học như: nguồn gốc, khái niệm, mục đích, nhiệm vụ cũng như các chuyên ngành nghiên cứu của ngôn ngữ học. Từ đó môn học cũng giúp sinh viên tìm hiểu một số vấn đề về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, cung cấp những khái niệm cơ bản nhất của ngôn ngữ trên các bình diện: từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp. Đây là những khái niệm có tính chất tiền đề, mang tính khái quát đối với tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.

Học phần này cũng trang bị hệ thống khái niệm, bộ thuật ngữ để sinh viên học tập các môn học liên quan đến ngôn ngữ học về sau.

**22. <NNH1022> - <Tiếng Việt thực hành> - <2>**

Học phần trang bị cho người học kỹ năng sử dụng tiếng Việt ở các cấp độ: từ, câu, đoạn văn, văn bản; giúp người học phát hiện và khắc phục các lỗi trong quá trình sử dụng tiếng Việt; phát triển các kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; kỹ năng lập luận; kỹ năng đọc hiểu; kỹ năng viết đoạn, dùng từ, đặt câu, viết chữ.

**23. <VAN3023> - <Văn học dân gian> - <3>**

Học phần giới thiệu các vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học như: nguồn gốc, khái niệm, mục đích, nhiệm vụ cũng như các chuyên ngành nghiên cứu của ngôn ngữ học. Từ đó môn học cũng giúp sinh viên tìm hiểu một số vấn đề về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, cung cấp những khái niệm cơ bản nhất của ngôn ngữ trên các bình diện: từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp. Đây là những khái niệm có tính chất tiền đề, mang tính khái quát đối với tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.

Học phần này cũng trang bị hệ thống khái niệm, bộ thuật ngữ để sinh viên học tập các môn học liên quan đến ngôn ngữ học về sau.

**24. <VAN3043> - <Lí luận văn học nhập môn> - <3>**

Môn học củng cố cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận văn học: Giới thiệu chung về các bộ môn trong khoa học văn học; mối quan hệ giữa văn học và đời sống xã hội; đặc trưng của văn học; nguồn gốc, chức năng và tính chất của văn học; tác giả, tác phẩm; các phương pháp sáng tác cơ bản trong tiến trình văn học;

**25. <VAN3053> - <Văn hoá Huế> - <3>**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn hoá Huế, các loại hình di sản vật thể, phi vật thể, với những giá trị nổi bật, tiêu biểu như: quần thể di tích kiến trúc cung đình Huế, Nhã nhạc và hệ thống thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế.

**26. <NNH3033> - <Ngữ dụng học> - <3>**

Ngữ dụng học là một phân ngành của ngôn ngữ học, nghiên cứu mặt dụng học trong ngôn ngữ. Đây là một bộ môn mới mẻ, hấp dẫn, có mặt ở Việt Nam chưa lâu nhưng đã nhanh chóng đi vào đời sống ngôn ngữ học và chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình giáo dục, đào tạo các cấp.

Ngữ dụng học bao gồm 5 bộ phận: Lý thuyết về chiếu vật và chỉ xuất; Lý thuyết hành động ngôn ngữ; Lý thuyết lập luận; Lý thuyết hội thoại; Lý thuyết về ý nghĩa tường minh (hiển ngôn) và ý nghĩa hàm ẩn. Học phần Ngữ dụng học giúp sinh viên có được những hiểu biết cơ bản và có hệ thống về lý thuyết ngữ dụng học, nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên, củng cố các kiến thức ngôn ngữ đã học, giúp sinh viên nâng cao năng lực phân tích văn chương dựa vào ngôn ngữ.

**27. <VAN3133> - < Tư tưởng Nho - Phật - Lão trong văn học Việt Nam trung đại> - <3>**

Cung cấp kiến thức cơ bản về ba tư tưởng Nho, Phật, Lão (lịch sử hình thành và phát triển, các nguyên lý căn bản), từ đó tìm hiểu ảnh hưởng của các tư tưởng ấy trong văn học Việt Nam.

**28. <TRU3023> - <Tiếng Trung căn bản 1> - <3>**

Học phần gồm 15 bài, từ bài 1 đến bài 15 giáo trình Hán ngữ (Tập 1, quyển thượng). Kết cấu mỗi bài gồm bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ pháp và bài tập.

**29. <HAN3053> - < Ngữ pháp văn ngôn> - <3>**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về ngữ pháp văn ngôn (ngữ pháp Hán văn trên thư tịch ở Trung Quốc trước thời Ngũ Tứ cũng như ở Việt Nam thời Trung đại). Trên cơ sở những khái niệm và những tri thức chung của ngữ pháp học, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về từ pháp, cú pháp của văn ngôn tiếng Hán như: từ loại, chức năng cơ bản và cách sử dụng của các từ loại trong văn ngôn, vấn đề hư từ trong văn ngôn, các loại câu cơ bản cũng như các loại câu cần chú ý của hình thái ngôn ngữ viết chữ Hán có tính lịch sử và khu vực này.

### **30. <NNH5013> - <Văn học Việt Nam trung đại> - <3>**

Học phần trung đại Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử- xã hội và những phạm trù đặc trưng của nền văn học viết từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX. Thông qua từng giai đoạn lịch sử, học phần đi sâu vào những biểu hiện mang tính thời đại qua từng tác giả- tác phẩm tiêu biểu.

### **31. <HAN4172 > - <Hán văn thời Lý – Trần> - <2>**

Học phần giới thiệu cho sinh viên Hán Nôm một giai đoạn của Hán văn Việt Nam dài hơn 4 thế kỉ [từ khi nước nhà giành được quyền tự chủ (năm 938) cho đến đầu thế kỉ XV (1407)] về các phương diện như: diện mạo và khối lượng văn bản, các đặc trưng ngôn ngữ và thể loại văn bản, phân loại các văn bản Hán văn, xác lập đại diện cho từng nhóm... trong mối quan hệ với các nhân tố lịch sử và văn hóa thời đại theo các đặc trưng chức năng và phong cách. Tuyển giảng các văn bản Hán văn đại diện một số văn bản Hán văn trong phong cách nghi thức hành chính thể hiện quyết tâm xây dựng và bảo vệ nhà nước Đại Việt độc lập, tự chủ (Thiên đô chiếu, Phật Tông lộ bố văn, Dụ chư tỳ tướng hịch văn... ); một số văn bản Hán văn Phật giáo (thơ thiền, ngữ lục thiên tông); một

### **32. <VAN4013> - <Tổng quan văn học Phương Đông> - <3>**

Học phần giới thiệu khái quát lịch sử hình thành và phát triển văn học phương Đông từ cổ đại đến hiện đại, đặc điểm và những thành tựu của văn học các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên - Hàn Quốc, chủ yếu tập trung làm rõ đặc trưng thi pháp văn học phương Đông qua giới thiệu các tác giả - tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn và từng thể loại thể loại văn học chính; đồng thời trang bị cho sinh viên kĩ năng tiếp cận và lí giải những hiện tượng văn học phương Đông từ góc độ văn hóa.

### **33. < HAN3112> - < Tin học Hán Nôm> - <2>**

Dựa trên cơ sở kiến thức về tin học đã được học ở phần đại cương, sinh viên sẽ được giới thiệu, tiếp xúc và thực hành với các phần mềm ứng dụng của chữ Hán, chữ Nôm như Hanosoft với các phiên bản 1.0, 2.0, 3.0; Hanocoverter, Hanotool và các mẫu font chữ Hán Nôm trong Windows 7, Windows 10. Học phần giúp sinh viên hiểu được các kỹ năng trong việc cài đặt các phần mềm Hán Nôm và ứng dụng các phần mềm này trong việc chế bản, tạo phong, tra cứu Hán Nôm; truy cập các trang web và cách tra cứu trực tiếp, cách thiết lập, trình chiếu chữ Hán, chữ Nôm bằng powerpoint..., qua đó phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

### **34. <HAN4212> -<Văn tự học Hán Nôm> - <2>**

Học phần Văn tự học Hán Nôm cung cấp những kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm từ góc độ văn tự. Học phần này bao gồm hai nội dung chính là văn tự học chữ Hán và văn tự học chữ Nôm. Ở văn tự học chữ Hán đề cập đến nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến của chữ Hán; phương diện Hình – Âm – Nghĩa của chữ Hán; văn tự Hán phù hợp với tiếng Hán; những ưu thế của chữ Hán xét về mặt văn tự học và văn hóa; chữ Hán phồn thể và giản thể; giản hóa chữ Hán; chữ Hán và văn hóa Trung Hoa trong lịch sử; vấn đề dùng

chung văn tự - đồng văn Đông Á trong lịch sử và hiện tại; quá trình du nhập chữ Hán vào Việt Nam; vấn đề âm đọc chữ Hán ở Việt Nam (âm Hán Việt, âm tiền Hán Việt, âm Hán Việt Việt hóa); di sản Hán văn Việt Nam và các giá trị văn hiến, văn hóa.

Phần văn tự học chữ Nôm sẽ đề cập đến các vấn đề như: quá trình hình thành và phát triển của chữ Nôm, mối liên hệ giữa chữ Nôm và chữ Hán; mối liên hệ giữa chữ Nôm và tiếng Việt; mối liên hệ giữa các thành tố trong một chữ Nôm với sự phát triển của chúng trong lịch sử, các thành tố định âm lược nét, các bộ thủ thường dùng trong chữ Nôm; di sản chữ Nôm, văn bản Nôm và các giá trị văn hóa của nó đối với văn hóa Việt Nam; đảm bảo sự liên tục về văn hóa giữa truyền thống và hiện tại ở Việt Nam từ góc nhìn văn tự học Hán Nôm.

### **35. <HAN4202> - <Văn bản chữ Nôm> - <2>**

Học phần Văn bản chữ Nôm nhằm giới thiệu cho người học hệ thống về nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến của chữ Nôm, văn bản Nôm qua các thời kỳ. Học phần cũng giới thiệu đến người học sự đa dạng của chữ Nôm trong các văn bản theo đặc trưng thể loại, chức năng, phong cách và chất liệu kí thác: chữ Nôm trong các ghi chép nhật dụng; chữ Nôm trong các thể loại, thể tài văn học (thơ, phú, truyện Nôm, văn xuôi...); chữ Nôm trong các văn bản hành chính, giáo dục, văn khắc. Người học được thực hành đọc Nôm trong các tác phẩm tiêu biểu như Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Bạch Vân am thi tập, hay các văn bản chữ Nôm Phật giáo, thiên chúa giáo....

### **36. <VAN4053> - <Cơ sở Việt ngữ học> - <3>**

Cung cấp, hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học và phong cách học tiếng Việt; vận dụng kiến thức hữu quan để phân tích, lí giải một số vấn đề về tiếng Việt trong văn bản và trong giao tiếp hàng ngày.

### **37. <HAN 4122> - <Sử kí Tư Mã Thiên> - <2>**

Sử ký Tư Mã Thiên là một bộ sử - truyện có giá trị bất hủ về lịch sử cũng như văn chương. Là tác phẩm phản ánh một giai đoạn lịch sử 3000 năm của Trung Hoa (từ đời Hoàng đế Hiên Viên thị đến niên hiệu Thiên Hán thời Hán Võ Đế). Nội dung của Sử ký bao quát nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, dân tộc thiểu số, ngoại giao..., học phần Sử ký giúp người học nắm được nhiều vấn đề của đời sống người Trung Hoa trong lịch sử đồng thời học được thái độ viết sử chân chính của Tư Mã Thiên và đóng góp to lớn của ông về phương pháp phản ánh lịch sử, đặc biệt là thể ký truyện.

### **38. <HAN4222> - <Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo> - <2>**

Học phần giúp cho sinh viên nhận thức một cách tổng quát nội dung chủ đạo của ba học thuyết lớn: Nho, Phật, Đạo vốn có ảnh hưởng sâu sắc tới tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam; nắm được các thuật ngữ, khái niệm, phạm trù chủ chốt có tính cốt lõi của ba học thuyết Nho, Phật, Lão. Cụ thể: Khổng Tử với các chủ trương đức trị, lễ giáo dựa trên chữ Nhân; Mạnh Tử với chủ trương nhân chính, vương đạo, tính thiện; nhận thức luận trong Lão Tử; đạo pháp tự nhiên của Lão Tử; những tín niệm cơ bản của Phật giáo (vô ngã, vô thường, giải thoát, từ bi...). Đồng thời, giúp người học nắm được quá trình diễn biến của ba học thuyết này trên quê hương của chúng cũng như trong môi trường văn hóa Việt Nam trên cơ sở minh giải một số trích đoạn văn bản Hán Nôm.

### **39. <NNH5023> - <Văn học Việt Nam hiện đại> - <3>**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về diện mạo văn học Việt Nam hiện đại qua các giai đoạn 1900-1945, 1945-1975 và từ 1975 đến nay. Trong đó, chú ý mô tả những điều kiện

hình thành và phát triển của văn học, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những quy luật vận động của văn học.

#### **40. <VAN4023> - <Tổng quan văn học Phương Tây> - <3>**

Học phần Tổng quan văn học Phương Tây trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản sau:

- Giới thiệu về sự ra đời, quá trình phát triển của nền văn học phương Tây từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại đến thời kỳ hiện đại.

- Cung cấp kiến thức khái quát về những đặc điểm nội dung, đặc trưng nghệ thuật riêng biệt của những tác giả và tác phẩm tiêu biểu qua từng thời kỳ của nền văn học phương Tây.

#### **41. <HAN4192> - <Hán văn thời Lê – Tây Sơn> - <2>**

Học phần Hán văn thời Lê –Tây Sơn (Hán văn Việt Nam thế kỉ XV-XVIII) nhằm giới thiệu cho người học một giai đoạn Hán văn dài 4 thế kỷ, trải qua các triều đại: Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng, Tây Sơn, về các phương diện như: diện mạo và khối lượng văn bản, tác giả và tác phẩm, các đặc trưng chức năng – phong cách – thể loại cũng như văn hóa của các văn bản Hán văn... trong mối quan hệ với các nhân tố lịch sử và văn hóa của thời đại.

#### **42. <DPH4123> - <Tiếng Trung căn bản 2> - <3>**

Học phần gồm 15 bài, từ bài 16 đến bài 30 Giáo trình Hán ngữ (Tập 1, quyển hạ). Kết cấu mỗi bài gồm bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ pháp và bài tập cấp độ khó A1.2.

#### **43. <HAN4042> - <Đại học – Trung dung> - <2>**

Hướng dẫn sinh viên tiếp cận sách Đại học và sách Trung dung. Trong mỗi phần, lần lượt tìm hiểu: Nguồn gốc; tác giả; nội dung cơ bản của tác phẩm; ứng dụng của tác phẩm ấy trong đời sống của các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa và ở Việt Nam.

Giảng chính văn tác phẩm: phiên âm, giải thích ngữ pháp, dịch nghĩa, chú thích, bình giảng, thẩm định giá trị của sách Đại học và sách Trung dung.

#### **44. <HAN4063> - <Luận ngữ - Mạnh Tử> - <3>**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn bản tác phẩm: phiên âm, giải thích ngữ pháp, dịch nghĩa, chú thích, bình giảng, thẩm định giá trị của sách Luận ngữ và sách Mạnh tử.

Giúp sinh viên minh giải sách Luận ngữ - tác phẩm được đánh giá là quan trọng nhất trong Tứ thư. Sách Luận ngữ có 20 thiên, với đặc trưng thể loại của mình, Luận ngữ hàm chứa sâu sắc học thuyết Nho giáo thông qua những lời dạy bảo hoặc đối đáp của Khổng tử với học trò.

#### **45. <VAN> - <Văn học Trung Quốc hiện đại> - <2>**

Học phần giới thiệu khái quát tiến trình phát triển của lịch sử văn học Trung Quốc từ hiện đại đến đương đại trên các phương diện đặc trưng thể loại, tác giả và tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn; đặc biệt, làm rõ sự tiếp nối thú vị của dòng văn học Trung Quốc đương đại đang thu hút độc giả hiện nay. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận, lý giải những hiện tượng văn học Trung Quốc từ góc độ văn hóa.

#### **46. <HAN3082> - <Văn bản Đường thi> - <2>**

Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức về Đường thi trên các phương diện: tiến trình phát triển, đặc trưng thể loại, trọng tâm là đặc điểm ngôn ngữ. Thông qua những bài thơ tiêu biểu được trích giảng, học phần nhằm nâng cao trình độ lý giải văn bản, đặc biệt

là những thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ như tỷ dụ, ẩn dụ, tượng trưng, điển cố của Đường thi.

**47. <HAN4112> - <Từ chương học Hán Nôm> - <2>**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ chương học - vấn đề có lịch sử lâu đời, có liên hệ trực tiếp tới hoạt động sáng tạo ngôn từ, một trong những phân nhánh của ngữ văn học cổ điển. Trên cơ sở đó, sinh viên biết được những thuật ngữ, khái niệm cốt lõi của từ chương học, những đặc điểm độc đáo của từ chương học Hán Nôm, các phương thức từ chương học thông dụng (vận dụng điển cố, ý tại ngôn ngoại, ước lệ tượng trưng, so sánh, ẩn dụ, phóng dụ, hoán dụ, nhân cách hóa, chơi chữ, đảo trang, hài thanh, song thanh điệp vận...) cũng như các vấn đề liên quan giữa từ chương học với thể loại văn học.

**48. <HAN4242> - <Phân tích văn bản chữ Nôm> - <2>**

Học phần Phân tích văn bản chữ Nôm trang bị cho sinh viên những thao tác và thủ pháp phân tích văn bản chữ Nôm theo các góc độ văn bản học, văn tự học, ngôn ngữ học, văn học, văn hóa học, lịch sử học... Từ đó, khai thác giá trị về mặt nội dung và hình thức của văn bản Nôm.

**49. <HAN4032> - <Hán văn thời Nguyễn> - <2>**

Học phần Hán văn thời Nguyễn giới thiệu cho sinh viên một giai đoạn của Hán văn Việt Nam (TK XIX-XX) theo các đặc trưng về chức năng và phong cách như: Hán văn trong phong cách hành chính tổ chức nhà nước; Hán văn trong phong cách của thi văn nhân (thơ chữ Hán của Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến...); Hán văn trong phong cách kĩ sự (địa chí, lịch sử); Hán văn duy tân đầu thế kỉ XX trong bước chuyển của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại cũng như Di sản Hán văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**50. <HAN4072> - <Kinh thi> - <2>**

- Thông qua việc trích tuyển văn bản, học phần giới thiệu những nội dung cơ bản; ba thủ pháp nghệ thuật Phú, Tỉ và Hứng; ba thể thơ Phong, Nhã và Tụng của Kinh Thi.

- Học phần cũng giới thiệu khái quát những đặc điểm về ngữ pháp, từ vựng, các biện pháp tu từ nghệ thuật trong thể thơ Tứ ngôn cũng như vai trò của thơ Tứ ngôn trong tiến trình phát triển thơ Trung Quốc thông qua những văn bản trích tuyển cụ thể.

**51. <HAN4082> - <Kinh Thư – Kinh Xuân thu> - <2>**

Kinh Thư là một tổng tập văn kiện chính trị sớm nhất của Trung Hoa, gồm các điển chương chế độ, văn hóa, tư tưởng của Trung Hoa cổ đại. Kinh Thư ghi chép các sự việc từ đời Nghiêu (cuối thời đại nguyên thủy) cho đến Tần Mục Công của thời Xuân Thu. Là tác phẩm không thể thiếu được khi vận dụng để khai thác di sản Hán Nôm.

Kinh Xuân Thu là bộ sử biên niên đầu tiên ở Trung Quốc. Xuân Thu ghi chép từ năm 722 tr.CN (Lỗ Ân Công nguyên niên) đến năm 481 tr.CN (Lỗ Ai Công năm thứ 14). Xuân Thu ghi chép những hoạt động của giai cấp thống trị thời Xuân Thu, bao gồm các việc chinh phạt, hội minh, triều cống giữa các nước chư hầu; các nghi thức tế tự, hôn tang, cung thất, thành trì ... và cũng ghi chép các hiện tượng tự nhiên, thiên tai ... Nổi bật về chính trị là các khái niệm chính danh, định phận và bao biếm. Xuân Thu có ảnh hưởng rất lớn đến Nho gia các thời đại về sau.

**52. <HAN4092> - <Kinh Dịch – Kinh Lễ> - <2>**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kinh Lễ: giới thiệu khái quát về Tam Lễ (Chu lễ, Nghi lễ, Lễ ký): quá trình hình thành, nội dung cơ bản, các tác phẩm

ngiên cứu, dịch chú quan trọng...; những vấn đề cơ bản của lễ - bản, văn, danh, khí, lễ trị, ngũ lễ...; trích giảng một số thiên quan trọng của Lễ kí như Khúc lễ, Lễ vận, Nhạc kí, Nguyệt lệnh, Học ký, Nho hạnh...

Cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ bản về Kinh Dịch như lịch sử, vai trò, kết cấu. Trích giảng một số khái niệm như Âm dương, Ngũ hành, Hà đồ, Lạc thư, vô cực, thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái, đến 64 quẻ...; Quái, Hào, Quái từ, Hào từ, phần Kinh, phần Dịch truyện...; trích giảng một số quẻ cơ bản để sinh viên hiểu đây là một tác phẩm bàn về lễ sinh thành, biến hóa của muôn vật trong vũ trụ.

### **53. <HAN4142> - <Phương pháp sưu tầm, dịch thuật Hán Nôm> - <2>**

Học phần phương pháp sưu tầm và dịch thuật Hán Nôm là học phần cung cấp kiến thức, kĩ năng, ngữ pháp căn bản giúp sinh viên biết cách sưu tầm, phiên âm dịch nghĩa, phiên Nôm tư liệu Hán Nôm. Qua đó, khai thác giá trị văn bản, ngôn ngữ, văn tự Hán Nôm, nâng cao nhận thức của người học trong việc gìn giữ, bảo tồn, giới thiệu công bố di sản quý báu của dân tộc.

### **54. <HAN3102> - <Sắc phong, hương ước, gia phả, văn tế> - <2>**

Đây là những thể loại văn bản cổ còn tồn tại rất nhiều trong dân gian. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từng thể loại (chức năng, cấu trúc, ngôn ngữ, tính lịch đại của chúng...) nhằm giúp sinh viên xử lí văn bản trong thực tế.

### **55. <HAN5052> - <Văn bản học Hán Nôm> - <2>**

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản học và văn bản học Hán Nôm (khái niệm văn bản, văn bản học, đối tượng của văn bản học, nhiệm vụ của văn bản học và văn bản học Hán Nôm); đặc điểm của di sản Hán Nôm; tình trạng của văn bản Hán Nôm; cơ sở để xác định tác giả, niên đại của văn bản, các tiêu chí để công bố văn bản học Hán Nôm.

### **56. <HAN5013> - <Thực hành văn bản Hán Nôm> - <3>**

Học phần hướng dẫn sinh viên tiếp cận với các loại hình văn bản Hán Nôm thông dụng trong đời sống xã hội, đa dạng về phong cách, văn tự thư pháp... như văn bia, hoành phi, câu đối, sắc phong, thần tích, gia phả, hương ước, tộc ước, chúc thư, văn khế, bằng cấp, văn tế, văn cúng, sớ... giúp người học nắm được các mô thức cơ bản của các loại hình văn bản này để có thể vận dụng những kiến thức đã học vào việc xử lí các văn bản Hán Nôm đa dạng trong thực tế.

### **57. <HAN5023> - <Hán Nôm dành cho du lịch> - <3>**

Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa đồ sộ của Việt Nam; mà trong đó mỗi di tích đều ít nhiều chứa đựng một bộ văn hóa, văn tự Hán Nôm. Tạo dựng nền tảng kiến thức cơ bản về những thể loại văn bản Hán Nôm thường xuất hiện trong công tác du lịch, bên cạnh đó cung cấp kiến thức tổng quan về sự phân bố văn hóa Hán Nôm theo vùng du lịch.

### **58. <HAN4014> - <Thực tập tốt nghiệp> - <4>**

Học phần Thực tập tốt nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại hình văn bản Hán Nôm phong phú và đa dạng trong đời sống (bi kí, đại tự câu đối, châm minh, sắc phong, thần phả, gia phả, hương ước, khoán lệ, đơn từ, văn tự, các loại thư tịch Hán Nôm) những tri thức văn hoá cổ... tại các địa phương/ vùng/ miền thực tập. Qua đó, sinh viên được tiếp xúc với nhiều loại văn bản và nhiều dạng văn tự Hán Nôm tại thực địa. Học phần cũng giúp sinh viên có các kỹ năng nghiệp vụ cụ thể: biết

cách in rập thác bản văn bia, sưu tầm di văn Hán Nôm, minh giải và khai thác văn bản; bước đầu tổng hợp và đánh giá trữ lượng cũng như chất lượng tư liệu Hán Nôm hiện còn trên địa bàn, viết báo cáo thực tập.

**59. <HAN4019> - <Khóa luận tốt nghiệp> - <10>**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần sinh viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng, phương pháp đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề nào đó thuộc chuyên ngành Hán Nôm. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp phải lựa chọn một đề tài, triển khai và hoàn thiện đề tài với tư cách chủ nhiệm đề tài. Qua khóa luận tốt nghiệp, có thể đánh giá năng lực khoa học, khả năng nghiên cứu, xây dựng, triển khai và hoàn thành mục tiêu/đề tài nghiên cứu đúng thời gian quy định.